

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Thực hiện công tác công khai theo Thông tư số 09/2024/ TT-BGDĐT
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Trường Thọ

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ Trụ sở chính: Thôn Ngọc Chữ, xã Trường Thọ, huyện An Lão, hải Phòng.

- Điện thoại: 0904599059

- Địa chỉ thư điện tử: thtruongtho@anlao.edu.vn

- Trang thông tin điện tử : <https://thtruongthonc.haiphong.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- **Sứ mạng:** Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập, rèn luyện nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao trong hệ thống các trường Tiểu học Huyện An Lão, mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

- **Tầm nhìn**

Trường Tiểu học Trường Thọ là một trường tiểu học công lập có chất lượng Giáo dục đại trà cao, nổi bật trong khả năng kiến tạo hạnh phúc cho từng thành viên và trở thành mô hình điển hình của ngôi trường thực sự hạnh phúc, học sinh có kỹ năng sống hợp tác và thích ứng với môi trường.

- **Mục tiêu chung:** Duy trì, phát triển các tiêu chuẩn nhà trường đạt chuẩn quốc gia, trường Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế của xã hội.

- Hoàn thành Xây dựng trường Chuẩn mức độ 2 vào năm 2025.

- Tập trung xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, tiên tiến, hiện đại; có đủ các điều kiện thực hiện tốt chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- **Mục tiêu cụ thể:**

*** Đội ngũ:**

- Năng lực chuyên môn của cán bộ, giáo viên phần đầu đạt loại khá, tốt đạt 90% trở lên, không có cán bộ, giáo viên xếp loại yếu kém, không có cán bộ, giáo viên và học sinh vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội.

*** Học sinh:**

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 2,3,4,5 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập của học sinh.

- Chất lượng giáo dục:

+ 100% học sinh được đánh giá Tốt, Đạt về từng năng lực, phẩm chất.
+ Khen cuối năm xuất sắc đạt 40-45% trở lên, khen từng mặt từ 40-45% trở lên.
+ Hoàn thành chương trình lớp học của các khối lớp đạt 99% trở lên, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

+ củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, ...

+ Đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của cha mẹ học sinh. Học sinh rèn thói quen tự học một cách chủ động sáng tạo.

Trường phấn đấu đạt top trường chất lượng cao Huyện

*** Về cơ sở vật chất kỹ thuật:**

- Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được sửa chữa, xây dựng bổ sung các trang thiết bị phục vụ dạy học đạt chuẩn.

- Môi trường sư phạm đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

+ Trường được thành lập năm 1990.

+ Sửa chữa và công nhận trường đạt Kiểm định mức độ 3 năm 2018.

+ Trong các năm gần đây: là Tập thể Lao động tiên tiến .

Năm học 2020-2021: Đạt tập thể Lao động xuất sắc, được nhận Bằng khen của UBND thành phố

6. Thông tin người đại diện:

+ Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Trà

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Ngọc Chữ, xã Trường Thọ, Huyện An Lão, Hải Phòng.

+ Địa chỉ thư điện tử: Nguyenthithanhtra@anlao.edu.vn

+ Số điện thoại: 0904599059

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường:

- Trường Tiểu học Trường Thọ được thành lập theo Quyết định số:684/QĐ-

UBND về việc tách trường THCS thành lập trường Tiểu học Trường Thọ

b. Quyết định công nhận hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số: 5902/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND Huyện An Lão.

- Hội đồng trường có 11 thành viên cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Thanh Trà	Bí thư Chi bộ- HT
2	Hoàng Thị Nội	Phó bí thư Chi bộ- PHT
3	Chu Thị Luyến	Phó Hiệu Trưởng
4	Trần Thị Hải Yến	Chủ tịch công đoàn-TT tổ 1
5	Bùi Thị Thu Hà	Bí thư Đoàn Thanh niên
6	Nguyễn Thị Ngát	Tổ trưởng tổ 3
7	Nguyễn Thị Trang	Tổ trưởng tổ 4
8	Phạm Thu Thuỳ	Tổ trưởng tổ 5
9	Nguyễn Thanh Bình	Thư ký HĐ
10	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phó CTUBND xã Trường Thọ
11	Nguyễn Quang Tùng	Trưởng Ban ĐDCMHS

c. Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường:

Chủ tịch HĐ trường được công nhận theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND Huyện An Lão.

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng trường	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Trà	ĐHTH	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	

d. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.:

- Quyết định số 4578/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND Huyện An Lão về việc điều động Hiệu trưởng trường TH Trường Thọ- Nguyễn Thị Thanh Trà.

- Quyết định số /QĐ-UBND ngày 9/6/2021 về việc điều động cán bộ quản lý.- PHT trường TH Trường Thọ - Hoàng Thị Nội.

- Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc điều động cán bộ quản lý.- PHT trường TH Trường Thọ - Chu Thị Luyến

e. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng: Trường Tiểu học Trường Thọ là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường chịu chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND Huyện An Lão. Đồng thời trường chịu sự quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện An Lão về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- Nhiệm vụ: Trường Tiểu học Trường Thọ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

g. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của trường Tiểu học Trường Thọ; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường.

I.ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1.Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp		
			ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	IV	III	II	Tốt	Kh	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	45	2	35	7	1		0					
I	Giáo viên	40		33	7				21	19	32	8	
	Trong đó số giáo viên văn hóa:	35		28	7			0	20	15	27	8	
	Tổng PT đội	1		1						1	1		
1	Tiếng dân tộc												
2	Ngoại ngữ	2		2						2	2		
3	Tin học	0		0									
4	Âm nhạc	1		1						1	1		
5	Mỹ thuật	1		1						1	1		
6	Thể dục	0		0						0			
II	Cán bộ quản lý												
1	Hiệu trưởng	1		1						1	1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2	2		
III	Nhân viên												
1	Kế toán, văn thư	1		1						1	1		
2	Thủ quỹ												
3	Y tế	0											
4	Thư viện, thiết bị	1			1			1				1	
5	Nhân viên công nghệ thông tin	0											
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0											

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và 2 đồng chí Phó hiệu trưởng đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt 100%

Giáo viên: 40 đồng chí giáo viên, đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $32 = 80\%$; 8 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ $8/40 = 20\%$

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $45/45 = 100\%$ (trong đó 03 CBQL; 40 GV; 02 NV)\

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Khối phòng học tập	28/28	
1	Phòng học	28	

a	Phòng kiên cố	24/24	54 m ² / phòng
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
2	Phòng học bộ môn	6	
2.1	Phòng học Âm nhạc	1	50 m ²
2.2	Phòng học Mỹ thuật	1	50 m ²
2.3	Phòng học KH-CN	1	50 m ²
2.4	Phòng học Tin học	1	50 m ²
2.5	Phòng học NN	1	50 m ²
2.6	Phòng đa chức năng	1	50 m ²
II	Khối phòng hỗ trợ học tập	5	
1	Thư viện	1	74 m ²
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	40 m ²
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	20 m ²
4	Phòng Đội Thiếu niên	1	40 m ²
5	Phòng truyền thống	1	45 m ²
III	Khối phòng hành chính- quản trị	4	
1	Phòng Hiệu trưởng	1	45 m ²
2	Phòng Phó HT	1	45 m ²
3	Văn phòng	1	45 m ²
4	Phòng bảo vệ	1	18 m ²
IV	Khối phụ trợ	6	
1	Phòng họp - GV	1	90 m ²
2	Phòng Y tế trường học	1	20 m ²
3	Nhà kho	2	20 m ²
4	Khu để xe học sinh	2	100 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	28 bộ	
1.1	Khôi lớp 1	6 bộ	1 bộ/lớp
1.2	Khôi lớp 2	6 bộ	1bộ/lớp
1.3	Khôi lớp 3	5 bộ	1 bộ/lớp
1.4	Khôi lớp 4	5 bộ	1bộ/lớp
1.5	Khôi lớp 5	6 bộ	1 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khôi lớp 1		
2.2	Khôi lớp 2		
2.3	Khôi lớp 3		
2.4	Khôi lớp 4		
2.5	Khôi lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	

2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	28	
5	Thiết bị khác:- Máy in	06	
6	Bảng tương tác	02	

	Nội dung	Số lượng(m ²)				
X	Nhà bếp	30 m ²				
XI	Nhà ăn	70 m ²				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	250 m ²	210	1,2		
XIII	Khu nội trú	Không				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	200 m ²	100/100	0,2	0.2/0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không
						Có Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh					x
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)					x
XVII	Kết nối internet					x
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường					x
XIX	Tường rào xây					x

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt (Sách giáo khoa lớp 5)

TT	Tên sách	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)			

2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Nguyễn Thị Thu Thủy	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
6	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
7	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
9	Tin học 5	Lê Khắc Thành (Tổng Chủ biên	Rô bốt thông minh	Đại học Vinh	
10	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
12	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	

IV.KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1.Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	

Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2			x		
Tiêu chí 1.3			x		
Tiêu chí 1.4			x		
Tiêu chí 1.5			x		
Tiêu chí 1.6			x		
Tiêu chí 1.7			x		
Tiêu chí 1.8			x		
Tiêu chí 1.9			x		
Tiêu chí 1.10			x		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1			x		
Tiêu chí 2.2	x				Có 07 GV chưa đạt chuẩn đào tạo
Tiêu chí 2.3	x				Thiếu nhân viên vị trí: CNTT,
Tiêu chí 2.4			x		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1			x		
Tiêu chí 3.2	x				Còn thiếu các phòng học bộ môn: CN, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật theo quy định Thông tư 13/2020-BGD
Tiêu chí 3.3			x		
Tiêu chí 3.4			x		
Tiêu chí 3.5	x				Còn thiếu diện tích phòng thiết bị; Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp.
Tiêu chí 3.6			x		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		

Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chuẩn	Kết quả		Nội dung chưa đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 1		x	
Tiêu chuẩn 2	x		Tỷ lệ GV đạt chuẩn chưa đạt
Tiêu chuẩn 3	x		Thiếu Nhà tập Đa năng, Phòng học theo quy định Thông tư 13/2020/BGD
Tiêu chuẩn 4		x	
Tiêu chuẩn 5	x		Chất lượng GD chưa vượt trội so với các trường

Kết luận: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 3

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Phần đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2.Kế hoạch cải tiến.

***Năm học 2024-2025**

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá cơ sở GDPT theo tinh thần Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thấy rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động trong công việc của mình được giao, góp phần hoàn thiện báo cáo, thu thập minh chứng, hoàn thiện hồ sơ

tự đánh giá, đăng ký kiểm định với cấp trên.

Năm học 2024-2025, thực hiện theo 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT An Lão trường tiểu học Trường Thọ xây dựng phần đầu đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS và trường PT có nhiều cấp học: Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT kiểm tra, tư vấn

****Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.***

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh: Thực hiện theo kế hoạch 105/KH-THTT ngày 22/6/2024 của trường Tiểu học Trường Thọ về việc tuyển sinh trẻ vào lớp 1 năm học 2024 – 2025.

2.Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

Xếp loại năng lực, phẩm chất: Đánh giá 876 học sinh(không tính 5 HS khuyết tật)

Lĩnh vực	Tốt		Đạt		CB	
	SL	%	SL	%	SL	%

Năng lực	Tự phục vụ, tự quản/ Tự chủ	800	91,3	76	8,7	0	0
	Hợp tác/ Giao tiếp	812	92,7	64	7,3	0	0
	Tự học/ Giải quyết vấn đề	792	90,4	84	9,6	0	0
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	648	93,9	41	5,9	1	0,1
	Tính toán	630	91,3	59	8,6	1	0,1
	Khoa học	638	92,5	52	7,5	0	0
	Thẩm mỹ	646	93,6	44	6,4	0	0
	Thể chất	661	95,8	29	4,2	0	0
	Công nghệ/ lớp 3,4	342	95,0	18	5,0	0	0
	Tin học (Lớp 3,4)	330	91,7	30	8,3	0	0
Phẩm chất	Chăm học, chăm làm/ Chăm chỉ	796	90,9	80	9,1	0	0
	Tự tin, trách nhiệm	821	93,7	55	6,3	0	0
	Trung thực , kỉ luật	840	95,9	36	4,1	0	0
	Đoàn kết, yêu thương/ Nhân ái	860	98,2	16	1,8	0	0
	Yêu nước (Lớp 1,2,3,4)	688	99,7	2	0,2	0	0

+ Hoạt động giáo dục:

Kết quả kiểm tra cuối năm 02 môn Toán+ Tiếng Việt (876 HS)

Môn	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
T.Việt	169	100	161	100	147	100	213	100	186	100	876	100
Toán	169	100	161	100	147	100	213	100	186	100	876	100

- 99,8% HS được lên lớp. 99,5% HS lớp 5 được công nhận Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học (01 HS bị tai nạn nặng nằm điều trị dài ngày tại bệnh viện Nhi Trung ương).

- Có 794 HS được khen thưởng đạt 86,7% cao hơn năm học trước 1,3%; trong đó có 483 em = 52,7% đạt Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ học tập.

- 862 HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ= 97,1%

- 01 học sinh đạt giải nhì Sơn ca cấp huyện.

IV.KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1.Công khai quyết toán ngân sách 2023 và các khoản thu chi năm học 2023-

2024

1.1.Thu chi ngân sách năm 2024

Thu

Dự toán ngân sách cấp theo Quyết định số 4789/QĐ-UBND của
UBND huyện Thủy Ngu ngày 21/12/2023: **7.624.000.000**

Cấp bổ sung đợt 1/2024:324.000.000

Cấp bổ sung đợt 2/2024: 222.000.000

Cấp kinh phí chi không thường
xuyên:220.000.000

Dư năm 2023 mang sang :**28.000.000**

đ. Tổng kinh phí được sử dụng:
8.170.000.000

Chi (Từ tháng 01/01/2024 đến 31/08/2024) :

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Ghi chú
1	Sửa chữa duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn từ nguồn chi không thường xuyên	23.000.000	
2	Chi thanh toán cho cá nhân		
1.1	Chi lương	2.593.002.000	
1.2	Chi tiền công hợp đồng 111	8.424.000	
1.3	Phụ cấp lương	1.703.076.67 9	
1.4	Chi thưởng, phúc lợi tập thể	75.970.000	
1.5	Thanh toán khác		
3	Các khoản đóng góp	735.380.700	
4	Dịch vụ công cộng	113.643.963	
5	Vật tư văn phòng	72.387.000	
6	Thông tin liên lạc	37.058.000	
7	Công tác phí	4.000.000	
8	Thuê mướn	178.485.000	
9	Sửa chữa duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn từ nguồn chi thường xuyên	52.832.500	
10	Nghiệp vụ chuyên môn	88.885.000	
11	Chi khác	4.921.400	
	Cộng	5.668.066.24 2	

Số dư đến hết 31/08/2024: 2.501.933.758đ

1. Thu chi ngoài ngân sách năm học 2023-2024

1.1. Học phí

• Phần Thu: 1.696.871.000đ

- Thu KNS= 134.230.000
- Thu TANN1.2= 161.840.000
- Thu TANN3.4= 193.970.000
- Thu TATC5= 77.795.000
- Thu Tin học= 80.695.000
- Thu quản lý ngoài giờ= 417.040.000
- Thu học 2 buổi/ ngày= 122.610.000
- Thu nước uống= 34.971.000
- Thu xe đạp= 36.800.000
- Thu KNS hè= 252.450.000
- Thu TA khối 1.2 hè(TAVN, TANN)= 77.220.000
- Thu TA khối 3.4.5 hè(TAVN, TANN)= 107.250.000

*** Phần chi : Tổng số đã chi : 1.683.763.400đ**

- Chi trả nhà cung cấp= 1.347.010.720
- Chi CBCNV= 218.889.242
- Chi nghiệp vụ, CSVN= 50.512.902
- Chi nộp thuế= 9.092.322

*** Chi phúc lợi= 9.092.322**

*** Dư: 13.107.600** (Dư tại tiền gửi ngân hàng). Dự kiến số dư này chi phúc lợi năm 2024.

1.2. Quỹ Đội, báo Đội: Thực hiện theo Kế hoạch số 02-KH/LN ngày 17/9/2018 của Huyện đoàn và Phòng GDĐT An Lão.

*** Phần thu:** Tổng thu: 33.400.000.

*** Phần chi :** 33.400.000

- Chi các hoạt động nghiệp vụ của đội :13.016.640
- Chi mua báo đội :8.256.000
- Nộp kế hoạch nhỏ, rèn luyện đội viên : 571.680
- Ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, xây nhà Khăn quàng đỏ...: 2.160.000
- Chi nghiệp vụ đội khác : 6.120.400

2.3. Tiền nước uống học sinh: Thu theo sự thống nhất của cha mẹ học

sinh, nhà trường thay mặt ký hợp đồng thỏa thuận với nhà cung cấp.

- Mức thu 10.000đ/hs/tháng. Thu theo học kỳ.
- Tổng số thu được: 83.500.000đ.
- Chi trả tiền mua máy lọc nước = 83.500.000đ.
- Dư đến 31/08/2024: 0đ

2.4. Dịch vụ trông xe:

- Mức phí thu 20.000đ/tháng đối với học sinh đăng ký gửi xe.
 - Dư năm học 2022-2023 mang sang: 14.344.000
 - Dư năm học 2023-2024 mang sang: 26.496.000
- Tổng kinh phí thu được: 63.000.000đ.
- Tổng chi: 56.700.000đ

Trong đó: - Chi trả cho công tác trông coi, sắp xếp xe: 50.400.000
- Chi nộp thuế GTGT 10%: 6.300.000
Dư còn đến 31/08/2024 (tiền gửi ngân hàng chi CSVC): 40.840.000

1.3. Huy động tài trợ

Trong năm học 2023-2024 huy động bằng tiền mặt= 221.900.000đ

TT	Nội dung được tài trợ, ủng hộ	Số lượng	Thành tiền (hoặc trị giá)
1	Màn hình thông minh	2 cái	130.000.000
2	Bàn ghế bán trú	36 bộ	63.000.000
3	Điều hoà nhiệt độ	2 cái	28.900.000
	Tổng		221.900.000

2. Kế hoạch thu chi ngoài ngân sách năm học 2024-2025:

3.1. Bảo hiểm y tế học sinh

Căn cứ công văn số 293/UBND-BHXXH ngày 02/08/2023 của BHXH huyện An Lão về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025

Stt	Mức thu	Nội dung	Thời hạn thẻ	Ghi chú
1	Năm học 2024-2025	Bảo hiểm y tế	884.520đ/ 12 tháng	
2	Năm học 2025-2026	Bảo hiểm y tế	Thay đổi theo quy định của nhà nước	

3.2. Quỹ vòng tay bè bạn

Liên đội nhà trường triển khai, hướng dẫn đội viên, thiếu nhi thu gom giấy vụn, phế liệu để tạo nguồn kinh phí hoạt động đội thông qua quỹ “ Vòng tay bè bạn”. Dự kiến mỗi học sinh từ 10 đến 15kg. Theo đề xuất của Hội CMHS nhà trường và các lớp đề xuất quy đổi thành tiền để thuận tiện cho phụ huynh và HS: 40.000đ/ HS/ năm

3.3.Các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục

- Thu theo thỏa thuận các môn học liên kết

TT	Môn liên kết	Mức thu năm học 2024 2025			Dự kiến mức thu 2025-2026		
		Theo nghị quyết 02/2022 và NQ 08/2023	Triển khai mức thu Học phí/ tháng	Số tiết học	Số tiết học	Mức học phí/tháng	Số tiết học
1	Kỹ năng sống	10.000đ/ tiết	10.000đ/tiết	8 tiết/tháng	8 tiết/tháng	10.000đ/ tiết	8 tiết/ tháng
2	Tiếng Anh người nước ngoài khối 1,2,3,4,5	35.000đ/ tiết	35.000đ/tiết	4 tiết/tháng	4 tiết/tháng	35.000đ/ tiết	4 tiết/ tháng
3	Tiếng Anh tự chọn (Khối 1+2)	10.000đ/ tiết	10.000đ/tiết	4 tiết/tháng	4 tiết/tháng	10.000đ/ tiết	4 tiết/ tháng

- Các khoản thu theo nghị quyết 08/2023/NQ- HĐND

TT	Nội dung các khoản thu	Năm học 2024-2025		Dự kiến mức thu 2025-2026	
		Mức thu theo Nghị quyết 08/2023/NQ- HĐND	Mức thu năm học 2024-2025		
1	Phục vụ ăn bán trú	30.000đ/HS /ngày	29000đ/HS/ngày	29000đ/HS/ngày	
2	Hỗ trợ nấu ăn,phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	150.000đ/HS/tháng	100.000đ/HS/tháng	100.000đ/HS/tháng	

3	Quản lý học ngoài giờ hành chính(sau khi kết thúc buổi học)	10.000đ/HS/giờ	8.000đ/HS/1 giờ5P	10.000đ/HS/giờ
4	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày	30.000đ/HS/tháng	30.000đ/HS/tháng	30.000đ/HS/tháng
5	Dịch vụ phục vụ nước uống học sinh	10.000đ/HS/tháng	7000đ/HS/tháng	10.000đ/HS/tháng
6	Dịch vụ trông giữ xe cho học sinh(xe đạp)	30.000đ/HSs/tháng	20.000đ/HS/tháng	20.000đ/HS/tháng

Lưu ý: - Tất cả các nội dung nêu trên đều trên tinh thần tự nguyện của học sinh và phụ huynh. Học sinh, phụ huynh đăng ký phải có đơn xin tham gia.

- Tất cả các khoản thu trong năm học đều thực hiện thu thông qua hình thức chuyển khoản, không dùng tiền mặt (có hướng dẫn cụ thể đối với phụ huynh).

V.KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1.Việc triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Hải Phòng, Phòng GD&ĐT An Lão và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể bằng nhiều hình thức (nghiên cứu tài liệu, học tập trực tuyến, thảo luận trong các tổ khối....). Thường xuyên theo sát việc triển khai việc dạy học chương trình sách giáo khoa các khối lớp 1,2,3,4, để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp. Tiếp tục chuẩn bị tốt các điều kiện cho chương trình SGK lớp 5

Nhà trường chủ động tham mưu với UBND xã, Phòng GD&ĐT trong việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024-2025.

2.Các điều kiện giáo dục:

Nhận thức rõ về hiệu quả của công tác bồi dưỡng, nhà trường luôn coi công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên vì giáo viên là người trực tiếp làm lên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Do vậy ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là nâng cao tay nghề cho giáo viên.

Thực hiện dạy đúng và đủ chương trình các môn học theo Kế hoạch Giáo dục và quy định, đồng thời quan tâm giáo dục toàn diện; thực hiện các chương trình tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng công dân số cho học sinh vào các môn học. . . thông qua đó làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn trú trọng, quan tâm đổi mới PPDH, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, sử dụng TBDH hiện có nhiều tiết hội giảng, nhiều đồng chí giáo viên đã sử dụng CNTT vào bài dạy, trong năm học nhà trường đã thực hiện tốt về quản lý HSSS điện tử, chất lượng và hiệu quả giờ dạy được nâng lên rõ rệt. Kết quả cụ thể:

+ Kết quả bồi dưỡng giáo viên CTGDPT 2018: 100% cán bộ giáo viên đã tham gia bồi dưỡng CTGDPT 2018 đạt kết quả cao theo yêu cầu.

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVTH: Tốt: $32/40 = 80\%$; Khá: $8/40 = 20\%$

+ Giáo viên giỏi: Cấp huyện: 10; Tỷ lệ : 25%

3. Công tác xây dựng CSVC, xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Nhà trường quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy, học. Trường có 36 ti vi 55 in và 41 máy tính có kết nối Internet; 2 màn hình thông minh. Trong đó số máy tính cho 02 phòng Tin học là 36 máy. Trường có các phòng học bộ môn như Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh. Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ II.

4.Công tác quản lý:

- Công tác tham mưu: nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tăng cường tu bổ và xây dựng bổ sung hoàn thiện CSVC đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2

- Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch năm học: Căn cứ vào hướng dẫn thực

hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT Gia Bình, các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên bằng nhiều hình thức và có kế hoạch ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá, xếp loại công bằng dân chủ và được công khai trước tập thể sư phạm nhà trường

- Công tác quản lý tài chính, tài sản: Công tác tài chính được công khai, dân chủ, được bàn bạc trước hội đồng nhà trường. Chi tiêu tiết kiệm, chi đúng mục đích nhằm kịp thời động viên giáo viên và học sinh trong các hoạt động và các phong trào của nhà trường.

5.Công tác Đảng và các đoàn thể:

Thường xuyên triển khai và cập nhật đến cán bộ, đảng viên, cán bộ nhân viên nhà trường các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT ; thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản chỉ đạo, quy định của ngành.

Xây dựng được mối đoàn kết, tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của Chi bộ - BGH - Công Đoàn - Đoàn TN - Các tổ chức đoàn thể khác; hàng tuần đều họp giao ban để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của trường đạt hiệu quả.

6.Công tác xã hội hóa giáo dục: Với mục tiêu chung tay vì sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thường xuyên huy động các nguồn lực từ các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhà hảo tâm để góp phần xây dựng nhà trường đáp ứng sự kỳ vọng và phát triển.

7.Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Trường Thọ theo mẫu Phụ lục 1 Kèm Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2024)/.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Website:
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



